

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Trúc L, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Đội 1, thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 1, thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2018, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Trúc L trình bày:

Trước khi cưới, chị (Đào Thị Trúc L) và anh Nguyễn Hữu T không có tìm hiểu nhau mà chỉ thông qua mai mối. Hai bên tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã N, huyện A (nay là thị xã A). Sau khi cưới, vợ chồng

sống chung nhà với cha mẹ chồng tại thôn B, xã N khoảng một năm rồi xây nhà ở riêng cũng ở B, N. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, vào năm 2003, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, không chí thú làm ăn. Chị có khuyên nhưng anh T vẫn không thể sửa chữa để tiếp tục xây dựng mái ấm gia đình. Mâu thuẫn tiếp diễn đến tháng 02/2018 (âm lịch), chị trở về nhà cha mẹ ruột ở đội 22, thôn T1, xã P, huyện T2 sống đến nay. Cả hai đã tự cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau nữa. Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung gồm: Nguyễn TrúC N1, sinh ngày: 13/10/2001; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 01/8/2003 và Nguyễn Huyền D, sinh ngày: 08/9/2007. Hiện nay cháu N1 và cháu Đ đang ở với anh T còn cháu D đang ở với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 người con chung: N1, Đ và D và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp tài sản chung. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2018 bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Trước khi cưới, anh và chị Đào Thị TrúC L có tìm hiểu nhau khoảng một năm rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2001. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ruột của anh tại thôn B, xã N đến nay. Vợ chồng thời gian đầu sống chung có hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có lần anh uống rượu say, chị L khuyên thì anh có đánh chị. Năm 2015, chị L trở về nhà cha mẹ ruột sống khoảng bốn tháng. Trong thời gian này, chị L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn. Tòa án đã động viên phân tích nên chị L đã đồng ý quay về sống chung với anh. Khoảng tháng 3/2018, chị L tiếp tục về nhà cha mẹ ruột sống đến nay và không quay về nữa. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nhưng nếu chị cương quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị L về con chung. Nếu ly hôn, anh cũng thống nhất giao cả ba cháu Nguyễn TrúC N1, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Huyền D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Hữu T. Về con chung: giao cả ba cháu Nguyễn Trúc N1, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Huyền D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T vì chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh T xác định không có nên miễn xét. Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Đào Thị Trúc L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú tại Đội 1, thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Anh Nguyễn Hữu T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Đào Thị Trúc L và anh Nguyễn Hữu T đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã N, huyện A (nay là thị xã A) nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được pháp luật công nhận.

Hạnh phúc vợ chồng chỉ được duy trì khi cả hai cùng thương yêu, quan tâm chăm sóc, sống chung với nhau và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Trải qua một thời gian dài chung sống, chị L và anh T đã không thể tiếp tục duy trì mái ấm gia đình vì giữa vợ chồng đã phát sinh quá nhiều mâu thuẫn. Chị L và anh T đều xác định nguyên nhân là do anh T không chí thú làm ăn mà hay uống rượu, có lần đánh đập vợ con. Nguyên nhân mâu thuẫn này phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi hai người sinh sống. Chị L xét thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn, còn anh T lại yêu cầu đoàn tụ.

Xét yêu cầu của chị L và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi cưới, chị L và anh T đã có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn là tiền đề cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Mặc dù mái ấm gia đình đã được hai vợ chồng cố gắng vun đắp xây dựng sau hơn mười bảy năm chung sống, nhưng vợ chồng không thể tiếp tục duy trì vì giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2015, do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã P, huyện T2 sống. Cũng trong thời gian này, chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Qua động viên phân tích của tòa án, chị L và anh T đã cho nhau một cơ hội để tiếp tục sống chung. Song chỉ vài tháng sau đó thì mâu thuẫn lại xảy ra. Chị đã cố gắng chịu đựng sống chung vì con nhưng đến tháng 3/2018, chị không thể chịu đựng nổi nữa nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột và không quay trở lại sống chung cho đến hôm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cố gắng động viên, thuyết phục nhằm hàn gắn hạnh phúc cho hai anh chị gìn giữ những kỷ niệm trong suốt mười bảy năm chung sống nhưng bất thành. Mặc dù anh T biết chị L cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, không tha thiết yêu cầu đoàn tụ để xây dựng lại mái ấm gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận, đồng thời không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh T.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng có ba người con chung gồm: Nguyễn Trúc N1, sinh ngày: 13/10/2001; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 01/8/2003 và Nguyễn Huyền D, sinh ngày: 08/9/2007. Hiện nay cháu N1 và cháu Đ đang ở với anh T còn cháu D đang ở với chị L. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và được anh T đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T về việc giao cả ba người con Nguyễn Trúc N1, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Huyền D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T vì chị L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng xác định không tranh chấp tài sản chung, miễn xét. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung gồm: Nguyễn Trúc N1, sinh ngày: 13/10/2001; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 01/8/2003 và Nguyễn Huyền D, sinh ngày: 08/9/2007. Hiện nay cháu N1 và cháu Đ đang ở với anh T còn cháu D đang ở với chị L. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T về việc giao cả ba người con Nguyễn Trúc N1, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Huyền D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T vì chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T xác định không tranh chấp tài sản chung, miễn xét.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008776 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Hữu T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Đảm